TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 355/2017/HN-ST
Ngày: 15-12-2017
V/v "*Yêu cầu không công nhận là vợ chồng"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Thúy Bắc - Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Chợ Lách;

Bà Ngô Thị Thưởng - Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Chợ Lách.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Ngày 15 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 263/2017/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017, về việc: "*Yêu cầu không công nhận là vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 11 năm 2017, giữa:

1. Nguyên đơn:

Chị Trần Thị Ngọc A, sinh năm 1974;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

Anh Huỳnh Minh C, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Anh C, chị A vắng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/9/2017, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 30/11/2017 nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc A trình bày:

Chị và anh Huỳnh Minh C tìm hiểu rồi tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1994, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình

chung sống, cuộc sống hạnh phúc được khoảng 21 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C thường xuyên uống rượu về nhà kiếm chuyện với chị và nhiều lần đuổi chị đi dẫn đến chị và anh C thường xuyên bất đồng quan điểm sống nên chị đã về quê chị xây nhà sinh sống từ năm 2015 cho đến nay; từ đó chị và anh C đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm và không muốn sống chung với anh C nên yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh C là vợ chồng.

Quá trình chung sống, chị và anh C có 01 con chung tên Huỳnh Thị Ngọc T, sinh ngày 01/9/2001, hiện con đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai ngày 30/11/2017, biên bản hòa giải ngày 30/11/2017 bị đơn anh Huỳnh Minh C trình bày:

Anh và chị Trần Thị Ngọc A tìm hiểu rồi tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1994, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, cuộc sống hạnh phúc được khoảng 21 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh uống rượu rồi về chửi chị A, cũng có đuổi chị A đi nên chị A đã về quê xây nhà sinh sống từ năm 2015 cho đến nay; từ đó anh và chị A sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay.

Quá trình chung sống, anh và chị A có 01 con chung tên Huỳnh Thị Ngọc T, sinh ngày 01/9/2001, hiện con đang sống chung với chị A. Anh tôn trọng nguyện vọng của con chung, nay con có nguyện vọng sống cùng với chị A nên anh đồng ý giao quyền trực tiếp nuôi con chung cho chị A và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị A tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc A, bị đơn anh Huỳnh Minh C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị A và anh C.

Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Mặc dù từ

năm 1994 đến nay anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng đến nay anh chị vẫn không đăng ký kết hôn nên căn cứ theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì chị A và anh C không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Theo chị A và anh C, quá trình chung sống hạnh phúc được khoảng 21 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Chị A và anh C đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay chị A xác định tình cảm không còn nên yêu cầu không công nhận chị với anh C là vợ chồng.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị A và anh C thực tế là có xảy ra và giữa hai người có thời gian sống ly thân từ năm 2015 đến nay, với khoảng thời gian trên cũng đủ cho anh, chị suy nghĩ lại tình cảm thế nhưng cả hai cũng không tìm cho mình một biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị A và anh C là đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Quá trình giải quyết Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải, hàn gắn lại tình cảm giữa hai người nhưng chị A vẫn cương quyết yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh C là vợ chồng và anh C cũng đồng ý không công nhận anh và chị A là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu không công nhận chị A với anh C là vợ chồng là phù hợp theo quy định tại điểm c mục 3 Nghị quyết 35/2010/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Thị Ngọc T, sinh ngày 01/9/2001, hiện đang sống chung với chị A. Chị A có yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Huỳnh Thị Ngọc T. Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị A là chính đáng, bản thân chị A cũng có việc làm và thu nhập đủ để đảm bảo cuộc sống cả về vật chất lẫn tinh thần cho cháu T, đồng thời anh C cũng đồng ý giao quyền trực tiếp nuôi con lại cho chị A. Vì vậy, việc giao con cho chị A nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T. Ghi nhận chị A không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Chị A và anh C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị A và anh C khai không có nên không xét đến.

Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 53, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của chị Trần Thị Ngọc A đối với anh Huỳnh Minh C. Cụ thể tuyên:

Không công nhận chị Trần Thị Ngọc A với anh Huỳnh Minh C là vợ chồng.

- Về con chung: Chị Trần Thị Ngọc A được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Thị Ngọc T, sinh ngày 01/9/2001. Ghi nhận chị A không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Anh Huỳnh Minh C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp anh C lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị A có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của anh C.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của anh C, chị A hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

2/ Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0023755 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Chị A đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Chợ Lách;*
- *Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;*
- *Cơ quan đăng ký kết hôn;*
- *Lưu HSVA+VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Lê Chí Hậu